

DANH SÁCH THỰC TẬP SINH KỸ NĂNG
LIST OF TECHNICAL INTERN TRAINEE CANDIDATES

1. Thông tin cơ quan phái cử của Việt Nam/Information of Vietnamese Approved

Sending Organization:

Tên/Name: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ĐỈNH CAO

Số giấy phép/License No.: 1119

Tên người đại diện/Name of Representative: PHẠM CHÍ NGHĨA

Địa chỉ/Address: Số 242 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại/Tel: (024) 66556699

2. Thông tin đoàn thể giám sát của Nhật Bản/Information of Japanese Supervising

Organization:

Tên/Name: JINZAI SOUZOU JIGYOU KYODOU KUMIAI /人材創造事業協同組合

Số giấy phép/License No.: 許1712001843

Tên người đại diện/Name of Representative: OKUBO YOSHIYUKI /大久保義行

Địa chỉ/Address: 3-1-14 Futamata-cho, Oita-shi, Oita-ken

/大分県大分市二又町三丁目1番14号

Điện thoại/Tel: (+81) 97-545-2250

3. Thông tin cơ quan tiếp nhận của Nhật Bản/Information of Japanese Implementing

Organization:

Tên/Name: MARELLI KYUSHU KABUSHIKIGAISHA /マレリ九州 株式会社

Mã số pháp nhân/Corporate No.:

Tên người đại diện/Name of Representative: NAGATA TAKESHI /永田 健視

Địa chỉ/Address: 111 banchi, Oaza waki, Usa-shi, Oita-ken

/大分県宇佐市大字和気111番地

Điện thoại/Tel: (+81) 978-38-4701

4. Thông tin về thực tập sinh kỹ năng/Information of Technical Intern Trainee

Candidates:

STT No.	Họ và tên/ Name	Ngày sinh/ Date of birth	Giới tính/ Gender	Số Hộ chiếu/ Passport No.	Ngành nghề/ Occupation	Thời gian dự kiến xuất cảnh/Estimated departure date
1	HA THI THU	01/01/2005	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
2	NGUYEN THI HUONG QUYNH	25/06/2001	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
3	THIEU THI THUONG	16/08/2000	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024

4	NGUYEN THI XOAN	04/09/2003	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
5	TRAN THI TOT	07/06/1996	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
6	NGUYEN THI THUY	16/01/1997	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
7	NGUYEN THI NGUYET	05/06/2003	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
8	BAN THI TU UYEN	10/08/2005	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
9	PHAM THI ANH DAO	09/05/1991	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
10	HA NHU QUYNH	30/08/2004	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
11	NGUYEN THI THU HUYEN	28/08/2005	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
12	DUONG THI QUYNH TRANG	17/11/2005	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
13	HA MAI CHUNG	18/09/2003	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
14	NGUYEN THI LE	11/09/2004	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
15	TRIEU THU TRANG	15/08/2004	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024
16	LE THI HANG	05/05/1991	Nữ/ Female		Plastic molding	01/10/2024

Ngày/Date 15 tháng/month 04 năm/year 2024

Chứng nhận bởi Cục Quản lý lao động ngoài nước/Approved by Department of Overseas Labour – Dolab.